

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

PHẠM THANH SƠN*

Onước ta, quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra hàng loạt vấn đề bức xúc liên quan đến việc làm và chính sách giải quyết việc làm. Đây là tiền đề quan trọng để sử dụng có hiệu quả nguồn lực lao động, góp phần tích cực vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Tuy nhiên, hiện nay, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm còn chiếm tỉ lệ lớn, thu nhập của đại bộ phận dân cư vẫn ở mức thấp. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải giải quyết tốt nhu cầu việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

1. Vài nét về tình hình giải quyết việc làm ở nước ta trong thời gian qua.

Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã xác định: "Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân". Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X cũng nhấn mạnh: "Phát triển thị trường lao động trong mọi khu vực kinh tế, tạo sự gắn kết cung - cầu lao động, phát huy tính tích cực của người lao động trong học nghề, tự tạo và tìm việc làm". Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và sự nỗ lực vươn lên của nhân dân, những năm qua, công tác giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động đã thu được nhiều kết quả khả quan.

Các cơ chế, chính sách về lao động -

việc làm được kịp thời đánh giá, bổ sung và sửa đổi bảo đảm ngày càng thông thoáng, phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập, đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động, người sử dụng lao động và tuân thủ các quy luật kinh tế thị trường. Hệ thống các văn bản quản lý nhà nước về lao động - việc làm ngày càng hoàn thiện, nhiều luật cùng các văn bản hướng dẫn thực hiện luật được ban hành và đi vào cuộc sống như *Bộ luật Lao động*, *Luật Dạy nghề*, *Luật Bảo hiểm xã hội*, *Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng* đã từng bước hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực lao động - việc làm. Nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của thị trường, Nhà nước đã thực hiện vai trò "bà đỡ" thông qua việc ban hành các chính sách cho nhóm lao động yếu thế như các chế độ ưu đãi đối với lao động là người tàn tật, các cơ sở sản xuất - kinh doanh của người tàn tật, lao động là người dân tộc thiểu số, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ lao động dôi dư... góp phần hỗ trợ người lao động tạo việc làm, nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Những chủ trương của Đảng về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường đầu tư đã tạo động lực to lớn, đưa nền kinh tế nước ta ngày càng ổn định và phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì liên tục ở mức cao (từ 7%-7,5%/năm), hàng năm vốn đầu tư chiếm trên 35% GDP, các doanh nghiệp thuộc

* Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

mọi thành phần kinh tế phát triển mạnh, cùng với đó là các Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; Chương trình phát triển công nghiệp, dịch vụ; các chương trình, dự án trọng điểm kinh tế - xã hội của Nhà nước; Chương trình xây dựng và phát triển các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao ... được thực hiện góp phần giải phóng sức sản xuất, giải phóng sức lao động, tạo môi trường lành mạnh để nhân dân đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh, tạo và tự tạo việc làm. Qua đó, hàng năm đã giải quyết việc làm cho từ 1,1-1,2 triệu lao động, tận dụng tối đa nguồn nhân lực cho phát triển đất nước, từng bước nâng cao và cải thiện đời sống của nhân dân. Hiện nay, cả nước đã có 150 trung tâm giới thiệu việc làm và hàng nghìn doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho hàng triệu lượt người. Các hội chợ việc làm, phiên chợ việc làm, tháng việc làm, điểm hẹn việc làm, sàn giao dịch việc làm... được tổ chức thường xuyên, tích cực gắn kết người lao động và người sử dụng lao động; đưa thông tin đến tận người lao động ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tạo cơ hội cho người lao động có khả năng tìm việc làm và có việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng của bản thân.

Chỉ tính riêng giai đoạn 2001-2005, nước ta đã tạo được việc làm cho 5,55 triệu lao động; năm 2006 là 1,22 triệu, năm 2007 là 1,25 triệu và năm 2008 là 1,28 triệu lao động. Việc làm được tạo ra chủ yếu ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ (hàng năm có từ 40 đến 50 nghìn doanh nghiệp được thành lập). Hiện nay, cả nước có 150 khu công nghiệp; trong đó, có 110 khu đã đi vào hoạt động. Các thành phần kinh tế tập thể và tư nhân phát triển mạnh (hiện cả nước có trên 3 triệu hộ kinh doanh cá thể, 17.535 hợp tác xã kiểu mới, trên 2.000 làng nghề)... Đây là những cơ sở góp phần rất quan trọng tạo ra công ăn việc làm cho người lao động.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đóng vai

trò quan trọng trong chuyển từ tạo việc làm trực tiếp sang gián tiếp thông qua các chính sách, nguồn lực hỗ trợ, đặc biệt thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm. Những năm qua, Chương trình đã có sự lồng ghép hiệu quả với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác, thực hiện các dự án về tín dụng việc làm với lãi suất ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, gắn dạy nghề với tạo việc làm, thúc đẩy thị trường lao động phát triển. Từ năm 2001-2008, Quỹ quốc gia về việc làm đã cho vay hơn 100 nghìn dự án lớn, nhỏ, góp phần tạo ra hàng triệu chỗ làm cho công nhân (chỉ tính riêng trong 4 năm 2001-2004, Quỹ đã cấp được 3.700 tỉ đồng vốn cho trên 80 ngàn dự án, tạo việc làm cho 1,32 triệu người). Đồng thời, qua việc thực hiện Chương trình đã góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của người dân và của xã hội về giải quyết việc làm; người lao động ngày càng chủ động, năng động, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác, không thụ động, trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ trực tiếp từ Nhà nước.

Xuất khẩu lao động cũng đã đem lại kết quả tốt, đối với nước ta, đây là một hướng giải quyết việc làm tương đối hiệu quả, bởi nó tạo nguồn thu nhập tương đối cao và ổn định so với lao động tự tạo việc làm trong nước (ví dụ, thu nhập bình quân một lao động Việt Nam tại Đài Loan hiện nay khoảng 300 USD/tháng, Hàn Quốc 500 USD/tháng, Nhật Bản 300-500 USD/tháng, trong khi đó mức thu nhập bình quân một lao động có việc làm tại Việt Nam tương đương khoảng 40 USD/tháng). Xuất khẩu lao động cũng góp phần vào việc đào tạo tay nghề cho người lao động. Đối với lao động xuất khẩu, đây là cơ hội để họ có điều kiện học tập về kỹ thuật, tiếp cận công nghệ hiện đại, tích lũy kinh nghiệm, tạo ý thức chấp hành kỷ luật lao động... Theo thống kê, đến nay, lao động Việt Nam đã có mặt ở 40 nước và vùng lãnh thổ với hơn 30 nhóm nghề các loại, trên 50% lao động đi làm việc ở nước

ngoài đã được đào tạo nghề. Giai đoạn 2001-2005, nước ta đã đưa được 295,1 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài, từ năm 2006 đến nay, bình quân mỗi năm Việt Nam đưa được khoảng 83.000 lao động, chiếm khoảng 5% tổng số lao động được giải quyết việc làm.

Nhìn chung, các chính sách việc làm giai đoạn 2001-2008 đã góp phần tạo việc làm cho hơn 11 triệu người; cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng lao động công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm lao động nông nghiệp (năm 2001 cơ cấu lao động nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ là 63%, 14%, 23% thì năm 2007, tương ứng là 53%, 19% và 28%); giảm tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị từ 6,28% năm 2001 xuống còn 4,91% năm 2007; tăng số lao động qua đào tạo từ 22% năm 2001 lên 35,4% năm 2007...

2. Những hạn chế cần khắc phục.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vấn đề lao động - việc làm vẫn là vấn đề bức xúc, còn nhiều hạn chế cần khắc phục. Theo báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, hiện nay, số lao động trong độ tuổi lao động là hơn 44 triệu người. Nhìn toàn cảnh, lao động Việt Nam phần lớn vẫn là lao động giản đơn, thiếu lao động có kỹ năng, thừa lao động ở đồng bằng, thiếu lao động ở miền núi... Nói cách khác, hiện có sự mất cân đối nghiêm trọng giữa cung và cầu về lao động, thể hiện trên các mặt sau :

- *Về chất lượng đội ngũ lao động:* Do yêu cầu của tiến trình CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi lao động chất lượng cao ngày càng lớn, nhưng trên thực tế, trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động Việt Nam nhìn chung vẫn còn yếu về chất lượng, thiếu về số lượng, gần 70% lao động chưa qua đào tạo, một bộ phận lao động đã qua đào tạo hoặc được sử dụng không đúng ngành nghề đào tạo, phải đào tạo lại mới có thể làm việc trong các doanh nghiệp. Hầu hết người lao động còn mang thói quen, tập quán sản xuất nhỏ, thiếu

năng động và sáng tạo, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp kém; kiến thức và kỹ năng làm việc theo nhóm hạn chế, ngại phát huy sáng kiến và chia sẻ kinh nghiệm làm việc. Do đó, nguy cơ mất sức cạnh tranh trên thị trường là rất lớn khi tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế.

- *Về cơ cấu lao động:* Cơ cấu lao động và cơ cấu việc làm đang có sự mất cân đối lớn xét theo ngành, vùng kinh tế, dẫn đến tình trạng một số ngành và vùng kinh tế có lao động dư thừa, tỉ lệ lao động thất nghiệp cao. Lao động nước ta chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (54,7%), lao động ở khu vực nông thôn chiếm số lượng chủ yếu (75%) gây sức ép lớn về giải quyết việc làm. Hiện nay, thị trường lao động Việt Nam đã bước đầu hình thành và phát triển nhưng tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất và 3 vùng kinh tế trọng điểm, ở các tỉnh khác mức độ còn sơ khai. Lao động phân bố không đồng đều, chủ yếu ở nông thôn và đồng bằng, thưa thớt ở miền núi. Với tốc độ này thì để đạt mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam cơ bản là nước công nghiệp theo hướng hiện đại như định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 đòi hỏi phải có sự nỗ lực rất lớn của tất cả các cấp, các ngành.

- *Về cơ cấu đào tạo nguồn nhân lực:* Cơ cấu đào tạo ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu lao động theo trình độ, nghề nghiệp chuyên môn. Thực tế trong thời gian qua, chúng ta thường chú ý đến đào tạo những ngành nghề có chi phí đào tạo thấp (ít thí nghiệm, ít thực hành...) như các ngành kinh tế, luật (chiếm 43% số sinh viên đào tạo), còn các ngành khoa học - kỹ thuật chỉ chiếm 25,5%. Điều này chưa tương thích với yêu cầu CNH, HĐH đất nước. Tình trạng đó làm cho tỉ lệ thất nghiệp của lao động ở bậc đại học xấp xỉ tới 4%, nhiều cử nhân kinh tế, luật phải làm việc không theo đúng ngành nghề được đào tạo...

Đây là thách thức lớn về nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt khi Việt Nam hội nhập kinh tế thế

giới. Với tốc độ tăng dân số cao trên 1%/năm, mỗi năm, Việt Nam có hơn 1 triệu lao động bước vào độ tuổi lao động; nửa triệu học sinh, sinh viên, người học nghề tốt nghiệp ra trường. Cộng với số lao động bị thất nghiệp từ các năm trước chuyển sang, số lao động nông thôn bị thu hồi đất nông nghiệp, số lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước... ước tính giai đoạn 2006-2010, khoảng 8 triệu người có nhu cầu giải quyết việc làm. Đây là sức ép lớn trong giải quyết việc làm khi trong thị trường lao động hiện nay, cung lao động vẫn lớn hơn cầu lao động. Năm 2007, tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 4,91%, tỉ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn là 5,79%... Hơn nữa, việc làm ăn kém hiệu quả của không ít các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty, các doanh nghiệp nhà nước dẫn đến nợ nần quá lớn; việc nhập siêu với mức độ quá cao (4 tháng đầu năm 2008 bằng cả năm 2007)... đã buộc Chính phủ phải cắt giảm nhiều công trình đầu tư càng làm cho số lao động thiếu việc làm, mất việc tăng lên. Đồng thời, lao động dôi ra từ việc sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước cũng là một trong những nhân tố tác động lớn đến lao động - việc làm của nền kinh tế (hiện nay có khoảng hơn 10 vạn lao động dôi dư khi thực hiện việc sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước)...

Bên cạnh đó, những năm qua, giải quyết việc làm ở nước ta chủ yếu theo hướng tập trung giải quyết việc làm cho lực lượng lao động chưa qua đào tạo, vì vậy tập trung phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động (giày da, dệt may, chế biến thủy sản...). Tuy nhiên, đây không phải là những ngành có lợi thế trong cạnh tranh, cũng không phải là những ngành nền tảng hoặc ngành tiềm năng của nền kinh tế Việt Nam, bởi ngành dệt may, giày da ở nước ta hiện nay 80% nguyên liệu để sản xuất là nhập ngoại. Do đó, hướng giải quyết việc làm trong giai đoạn tiếp theo cần thu hút lực lượng lao động vào các ngành có lợi thế cạnh tranh (những ngành đưa lại hiệu

quả kinh tế cao), những ngành nền tảng và những ngành tiềm năng của nền kinh tế. Phát triển một số ngành khác sử dụng nhiều lao động phổ thông nên gắn với những ngành sử dụng nguyên liệu sản xuất ra từ trong nước (các ngành công nghiệp chế biến thủy sản, hàng nông sản phẩm...). Điều đó, một mặt sẽ giải quyết lao động tại chỗ, mặt khác thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển bền vững và đưa lại lợi ích cho quốc gia nhiều hơn.

Một vấn đề nữa cần quan tâm khắc phục là những năm qua, hệ thống thông tin thị trường lao động chưa hoàn thiện, hệ thống giao dịch việc làm chưa mạnh, chủ yếu vẫn là hình thức trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động (chiếm trên 80% tổng số giao dịch). Các chính sách về tiền lương, tiền công nói chung chưa phản ánh được giá trị theo quy luật của thị trường, chưa khuyến khích người lao động phát huy hết khả năng và chưa thực hiện được chức năng "kích cầu" để sản xuất phát triển.

Hơn nữa, việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các chính sách về lao động - việc làm chưa đầy đủ, chưa thực sự theo sát thực tiễn, hiệu quả triển khai thực hiện chính sách còn chậm, lúng túng và thấp. Công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách chưa thường xuyên, việc xử lý vi phạm chưa thực sự nghiêm minh, ảnh hưởng không tốt đến việc giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động.

Qua thực tiễn phát triển thị trường lao động và giải quyết việc làm ở Việt Nam trong thời gian qua, có thể rút ra một bài học kinh nghiệm, đó là, để công tác này đạt hiệu quả cao cần thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và phải căn cứ tình hình thực tiễn của từng địa phương. Việc nâng cao nhận thức, năng lực, trách nhiệm các cấp ủy, chính quyền và người dân có ý nghĩa quyết định, đồng thời khuyến khích sự năng động và chủ động tự tạo việc làm của người lao động, không thụ động, trông chờ vào Nhà nước. Đối với người sử dụng lao động cần khuyến khích

đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh, tạo nhiều việc làm. Nhà nước từng bước thiết lập thể chế thị trường lao động phù hợp với nền kinh tế thị trường, đồng thời thực hiện trợ giúp giải quyết việc làm, làm tốt vai trò "bà đỡ" đối với các đối tượng lao động đặc thù (lao động là người tàn tật, lao động là người dân tộc, lao động nữ...) nhằm khắc phục những tác động tiêu cực của thị trường.

3. Những giải pháp cơ bản nhằm giải quyết việc làm cho người lao động trong thời gian tới.

Từ tư tưởng chủ đạo của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2001-2010, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã xây dựng Chiến lược việc làm trong thời gian tương ứng với mục tiêu "Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế; đảm bảo việc làm cho phần lớn lao động có nhu cầu việc làm; nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho nhân dân".

Theo đó, từ nay đến 2010, sẽ giải quyết việc làm cho 3-3,2 triệu lao động; trong đó, từ dự án cho vay giải quyết việc làm là 600-700 lao động; duy trì tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới mức 5%; giảm tỉ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp xuống dưới 50%. Về xuất khẩu lao động, bình quân mỗi năm đưa được 100.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài; trong đó, 60% lao động qua đào tạo nghề, 5-10% là lao động ở các huyện có tỉ lệ hộ nghèo cao; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 40% (trong đó, đào tạo nghề là 30%).

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu trên, cần thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

Một là, hoàn thiện đồng bộ và kịp thời hệ thống pháp luật về thị trường lao động: Sửa đổi, bổ sung *Bộ luật Lao động* cho phù hợp với tình hình mới, khẩn trương xây dựng và ban hành *Luật Việc làm*, *Luật Tiền lương tối thiểu* theo hướng tiếp cận với các quy định của quốc tế trong nền kinh tế thị

trường; hướng dẫn đầy đủ, cụ thể các vấn đề còn lại của *Luật Dạy nghề*, *Luật Bảo hiểm xã hội*, *Luật Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*. Đồng thời, phân cấp tăng cường trách nhiệm cho chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước về lao động; thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch về chính sách, chế độ đối với người lao động và người sử dụng lao động.

Hai là, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nước và quốc tế cho đầu tư phát triển, nhất là những vùng, ngành, lĩnh vực có khả năng thu hút nhiều lao động như các vùng kinh tế động lực, trọng điểm ở 3 miền, khu vực dân doanh, trước hết là các doanh nghiệp vừa và nhỏ...; khu vực dịch vụ, nhất là các dịch vụ thu hút nhiều lao động kết hợp khai thác tiềm năng, thế mạnh của đất nước và con người Việt Nam. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn theo hướng CNH, HĐH để tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ, góp phần giảm bớt áp lực về lao động ra các thành phố làm việc.

Cụ thể, phát triển mạnh những ngành nghề có lợi thế, bên cạnh những ngành nghề sử dụng lao động có kĩ thuật cao, cần tiếp tục phát triển những ngành nghề đầu tư ít vốn nhưng sử dụng nhiều lao động; gắn quy hoạch các khu công nghiệp với kế hoạch sử dụng lao động, đặc biệt là lao động địa phương nơi chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông, lâm nghiệp.

Tiếp tục phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, vừa góp phần giải quyết việc làm (ước tính mỗi doanh nghiệp vừa và nhỏ đi vào hoạt động sẽ thu hút bình quân 50 lao động); phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đặc biệt là khuyến khích phát triển trang trại; khôi phục và phát triển các làng nghề, các nghề tiêu, thủ công nghiệp truyền thống sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.

Ba là, tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước trong giải quyết việc làm và phát

triển thị trường lao động thông qua việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2010, thực hiện lồng ghép có hiệu quả Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia khác (về giáo dục - đào tạo, về giám nghề...) và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trên địa bàn cấp tỉnh, thành phố. Quan tâm công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, coi đây là một trong những giải pháp góp phần tạo việc làm cho người lao động.

Bốn là, hoàn thiện và phát triển thị trường lao động để lao động được xã hội hóa, người lao động được quyền tham gia trao đổi sức lao động trên thị trường theo quan hệ kinh tế thị trường. Điều đó vừa đảm bảo lợi ích cho người lao động, vừa tạo động lực thúc đẩy chất lượng đội ngũ lao động, góp phần vào việc hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, tập trung vào các nội dung như xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động nhằm phổ biến rộng rãi cho mọi đối tượng có nhu cầu; phát triển đồng bộ hệ thống giao dịch trên thị trường theo hướng quy hoạch tổng thể hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm và các cơ sở giới thiệu việc làm, đầu tư nâng cao năng lực các trung tâm, xây dựng 3 trung tâm ở 3 vùng kinh tế trọng điểm đạt tiêu chuẩn, đa dạng hóa các "kênh" giao dịch trên thị trường lao động; tổ chức thường xuyên, định kỳ các sàn giao dịch việc làm để có thể kết nối hoạt động giao dịch trên phạm vi toàn quốc. Tăng cường trợ giúp người lao động để họ có đầy đủ thông tin tìm kiếm việc làm, tự tạo việc làm; có hình thức giáo dục pháp luật phù hợp để người lao động có thể tự bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình... Trong những năm tới, hướng giải quyết khá tích cực đối với lao động, việc làm ở nước ta là mở rộng và nâng cao hiệu quả xuất khẩu lao động.

Năm là, nâng cao chất lượng nguồn lao động cả về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng tay nghề;

thực hiện liên thông giữa các cấp trình độ: giáo dục - đào tạo theo định hướng gắn với cấu lao động, đồng thời, nâng cao hiểu biết về pháp luật, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và nâng cao thể lực đảm bảo cung cấp đội ngũ lao động có chất lượng cả về thể lực và trí lực, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất công nghiệp. Phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu sử dụng. Hiện nay, cả nước có 250 trường đại học, cao đẳng và 2.052 cơ sở dạy nghề (trong đó, có 55 trường cao đẳng nghề, 242 trường trung cấp nghề và trường dạy nghề), hằng năm tuyển hơn 200 nghìn sinh viên cao đẳng, đại học, khoảng 120 nghìn học sinh trung học, chuyên nghiệp và tuyển sinh dạy nghề trên 1,4 triệu người. "Sản phẩm" đào tạo phải đáp ứng yêu cầu sử dụng cả trong nước và ngoài nước (xuất khẩu lao động). Mặt khác, phải chú trọng đào tạo đội ngũ doanh nhân, các nhà quản lý có trình độ cao: ưu tiên đào tạo chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, nhất là thanh niên ở những nơi bị thu hồi đất nông, lâm nghiệp. Đây là một quá trình lâu dài với nhiều cơ chế, chính sách thích hợp, đòi hỏi có sự tham gia của tất cả các cấp, các ngành và phải thực hiện ngay từ bậc học phổ thông.

Sáu là, hoàn thiện và phát triển hệ thống an sinh xã hội. Hội nhập kinh tế, Việt Nam phải mở cửa thị trường, thực hiện theo các quy luật của thị trường, kèm theo đó là chúng ta sẽ đối mặt với những tác động tiêu cực từ thị trường, nhất là trong vấn đề xã hội. Vì vậy, hệ thống an sinh xã hội là một công cụ quan trọng để góp phần ngăn ngừa và hạn chế những tiêu cực này. Trong thời gian tới, hệ thống an sinh xã hội cần tập trung vào các chính sách đối với lao động nông thôn bị mất việc làm, thiếu việc làm do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, đối với lao động dôi dư và các chính sách về bảo hiểm xã hội, đặc biệt là bảo hiểm thất nghiệp.... tạo cơ hội cho mọi đối tượng đều được hưởng thành quả từ hội nhập, thực hiện mục tiêu phát triển vì con người của Đảng ta □